

CHỦ TỊCH NƯỚC

LỆNH của Chủ tịch nước số 29-LCTN ngày 10-1-1994 công bố Luật Bảo vệ môi trường và Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân.

CHỦ TỊCH NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội,

NAY CÔNG BỐ:

1. Luật Bảo vệ môi trường đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ tư, thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993.

2. Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ tư, thông qua ngày 28 tháng 12 năm 1993.

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
LÊ ĐỨC ANH

LUẬT Bảo vệ môi trường.

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, dân tộc và nhân loại;

Đề nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước và trách nhiệm của chính quyền các cấp, các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị

vũ trang nhân dân và mọi cá nhân trong việc bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành, phục vụ sự nghiệp phát triển lâu bền của đất nước, góp phần bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu;

Căn cứ vào Điều 29 và Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định việc bảo vệ môi trường.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.

Bảo vệ môi trường được quy định trong Luật này là những hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp, cải thiện môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Điều 2. - Trong Luật này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thành phần môi trường* là các yếu tố tạo thành môi trường: không khí, nước, đất, âm thanh, ánh sáng, lòng đất, núi, rừng, sông, hồ, biển, sinh vật, các hệ sinh thái, các khu dân cư, khu sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và các hình thái vật chất khác.

2. *Chất thải* là chất được loại ra trong sinh hoạt, trong quá trình sản xuất hoặc trong các hoạt động khác. Chất thải có thể ở dạng rắn, khí, lỏng hoặc các dạng khác.

3. *Chất gây ô nhiễm* là những nhân tố làm cho môi trường trở thành độc hại.

4. *Ô nhiễm môi trường* là sự làm thay đổi tính chất của môi trường, vi phạm tiêu chuẩn môi trường.

5. *Suy thoái môi trường* là sự làm thay đổi chất lượng và số lượng của thành phần môi trường,

gây ảnh hưởng xấu cho đời sống của con người và thiên nhiên.

6. Sự cố môi trường là các tai biến hoặc rủi ro xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi bất thường của thiên nhiên, gây suy thoái môi trường nghiêm trọng. Sự cố môi trường có thể xảy ra do:

a) Bão, lũ, lụt, hạn hán, nứt đất, động đất, trượt đất, sụt lở đất, núi lửa phun, mưa axit, mưa đá, biến động khí hậu và thiên tai khác;

b) Hỏa hoạn, cháy rừng, sự cố kỹ thuật gây nguy hại về môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng;

c) Sự cố trong tìm kiếm, thăm dò, khai thác và vận chuyển khoáng sản, dầu khí, sập hầm lò, phụt dầu, tràn dầu, vỡ đường ống dẫn dầu, dẫn khí, đắm tàu, sự cố tại cơ sở lọc hóa dầu và các cơ sở công nghiệp khác;

d) Sự cố trong lò phản ứng hạt nhân, nhà máy điện nguyên tử, nhà máy sản xuất, tái chế nhiên liệu hạt nhân, kho chứa chất phóng xạ.

7. Tiêu chuẩn môi trường là những chuẩn mực, giới hạn cho phép, được quy định dùng làm căn cứ để quản lý môi trường.

8. Công nghệ sạch là quy trình công nghệ hoặc giải pháp kỹ thuật không gây ô nhiễm môi trường, thải hoặc phát ra ở mức thấp nhất chất gây ô nhiễm môi trường.

9. Hệ sinh thái là hệ thống các quần thể sinh vật sống chung và phát triển trong một môi trường nhất định, quan hệ tương tác với nhau và với môi trường đó.

10. Đa dạng sinh học là sự phong phú về nguồn gen, về giống, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên.

11. Đánh giá tác động môi trường là quá trình phân tích, đánh giá, dự báo ảnh hưởng đến môi trường của các dự án, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và các công trình khác, đề xuất các giải pháp thích hợp về bảo vệ môi trường.

Điều 3. - Nhà nước thống nhất quản lý bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước, lập quy hoạch bảo vệ môi trường, xây dựng tiềm lực cho hoạt động bảo vệ môi trường ở trung ương và địa phương.

Nhà nước có chính sách đầu tư, khuyến khích và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước đầu tư dưới nhiều hình thức, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc bảo vệ môi trường.

Điều 4. - Nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, phổ biến kiến thức khoa học và pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia vào các hoạt động nói tại Điều này.

Điều 5. - Nhà nước bảo vệ lợi ích quốc gia về tài nguyên và môi trường.

Nhà nước Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với các nước trên thế giới, các tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Điều 6. - Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn dân.

Tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường, thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, có quyền và trách nhiệm phát hiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường.

Điều 7. - Tổ chức, cá nhân sử dụng thành phần môi trường vào mục đích sản xuất, kinh doanh trong trường hợp cần thiết phải đóng góp tài chính cho việc bảo vệ môi trường.

Chính phủ quy định các trường hợp, mức và phương thức đóng góp tài chính nói tại Điều này.

Tổ chức, cá nhân gây tổn hại môi trường do hoạt động của mình phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 8. - Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 9. - Nghiêm cấm mọi hành vi làm suy thoái môi trường, gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường.

Chương II

PHÒNG, CHỐNG SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. - Các cơ quan Nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức điều tra, nghiên cứu đánh giá hiện trạng môi trường, định kỳ báo cáo với Quốc hội về tình hình môi trường; xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường và thông báo cho nhân dân biết; có kế hoạch phòng, chống suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc phòng, chống suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Điều 11. - Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng và khai thác hợp lý thành phần môi trường, áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, tận dụng chất thải, tiết kiệm nguyên liệu, sử dụng năng lượng tái sinh, chế phẩm sinh học trong nghiên cứu khoa học, sản xuất và tiêu dùng.

Điều 12. - Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ các giống, loài thực vật, động vật hoang dã, bảo vệ tính đa dạng sinh học, bảo vệ rừng, biển và các hệ sinh thái.

Việc khai thác các nguồn lợi sinh vật phải theo đúng thời vụ, địa bàn, phương pháp và bằng công cụ, phương tiện đã được quy định, bảo đảm sự hồi phục về mật độ và giống, loài sinh vật, không làm mất cân bằng sinh thái.

Việc khai thác rừng phải theo đúng quy hoạch và các quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Nhà nước có kế hoạch tổ chức cho các tổ chức, cá nhân trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc để mở rộng nhanh diện tích của rừng, bảo vệ các vùng đầu nguồn sông, suối.

Điều 13. - Việc sử dụng, khai thác khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên phải được phép của cơ quan quản lý ngành hữu quan, cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và phải đăng ký với Ủy ban nhân dân địa phương được giao trách nhiệm quản lý hành chính khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên nói trên.

Điều 14. - Việc khai thác đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản phải tuân theo quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch cải tạo đất, đảm bảo cân bằng sinh thái. Việc sử dụng chất hóa học, phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học khác phải tuân theo quy định của pháp luật.

Trong sản xuất, kinh doanh, xây dựng các công trình phải áp dụng các biện pháp hạn chế, phòng, chống xói mòn, sụt lở, trượt đất, làm đất phèn hóa, mặn hóa, ngọt hóa tùy tiện, đá ong hóa, sinh lây hóa, sa mạc hóa.

Điều 15. - Tổ chức, cá nhân phải bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước, thoát nước, cây xanh, công trình vệ sinh, thực hiện các quy định về vệ sinh công cộng ở đô thị, nông thôn, khu dân cư, khu du lịch, khu sản xuất.

Điều 16. - Tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác phải thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường, phải có thiết bị kỹ thuật để xử lý chất thải, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, phòng, chống suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Chính phủ quy định danh mục tiêu chuẩn môi trường, phân cấp ban hành và kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn đó.

Điều 17. - Tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở kinh tế, khoa học, kỹ thuật, y tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng đã hoạt động từ trước khi ban hành Luật này phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở mình để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định.

Trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, tổ chức, cá nhân đó phải có biện pháp xử lý trong một thời gian nhất định theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường. Nếu quá thời hạn quy định mà cơ sở xử lý không đạt yêu cầu thì cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường báo cáo lên cơ quan Nhà nước cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định đình chỉ hoạt động hoặc có biện pháp xử lý khác.

Điều 18. - Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, cải tạo vùng sản xuất, khu dân cư, các công trình kinh tế, khoa học, kỹ thuật, y tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; chủ dự án đầu tư của nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài, chủ dự án phát triển kinh tế - xã hội khác phải lập Báo cáo

đánh giá tác động môi trường để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định.

Kết quả thẩm định về Báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong những căn cứ để cấp có thẩm quyền xét duyệt dự án hoặc cho phép thực hiện.

Chính phủ quy định chi tiết việc xây dựng và thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và có quy định riêng đối với các cơ sở đặc biệt về an ninh, quốc phòng nói tại Điều 17 và Điều này.

Quốc hội xem xét, quyết định đối với dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường. Danh mục dự án loại này do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 19. - Việc nhập khẩu, xuất khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, các chế phẩm sinh học hoặc hóa học, các chất độc hại, chất phóng xạ, các loài động vật, thực vật, nguồn gen, vi sinh vật có liên quan tới bảo vệ môi trường phải được phép của cơ quan quản lý ngành hữu quan và cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Chính phủ quy định danh mục đối với từng lĩnh vực, từng loại nói tại Điều này.

Điều 20. - Tổ chức, cá nhân khi tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, cất giữ các loại khoáng sản và các chế phẩm, kể cả nước ngầm phải áp dụng công nghệ phù hợp, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường.

Điều 21. - Tổ chức, cá nhân khi tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí phải áp dụng công nghệ phù hợp, phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, có phương án phòng, tránh rò rỉ dầu, sự cố tràn dầu, cháy nổ dầu và phương tiện để xử lý kịp thời sự cố đó.

Việc sử dụng các hóa chất độc hại trong quá trình tìm kiếm, thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí phải có chứng chỉ kỹ thuật và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 22. - Tổ chức, cá nhân có phương tiện giao thông vận tải đường thủy, đường không, đường bộ, đường sắt phải tuân theo các tiêu chuẩn môi trường và phải chịu sự giám sát, kiểm tra định kỳ về việc bảo đảm tiêu chuẩn môi trường của cơ quan quản lý ngành hữu quan và

cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường; không cho lưu hành các phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường đã được quy định.

Điều 23. - Tổ chức, cá nhân sản xuất, vận chuyển, buôn bán, sử dụng, cất giữ, hủy bỏ các chất độc hại, chất dễ gây cháy, nổ, phải tuân theo quy định về an toàn cho người, sinh vật, không gây suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Chính phủ quy định danh mục các chất độc hại, chất dễ gây cháy, nổ nói tại Điều này.

Điều 24. - Việc xác định địa điểm, thiết kế, xây dựng, vận hành nhà máy thuộc ngành công nghiệp hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân, cơ sở nghiên cứu hạt nhân, sản xuất, vận chuyển, sử dụng, cất giữ chất phóng xạ, đồ, chôn chất thải phóng xạ phải tuân theo quy định pháp luật về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và quy định của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 25. - Tổ chức, cá nhân sử dụng máy móc, thiết bị, vật liệu có nguồn phát ra bức xạ điện từ, bức xạ ion hóa có hại phải tuân theo quy định pháp luật về an toàn bức xạ và phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá tác động môi trường của cơ sở mình và định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 26. - Việc đặt các điểm tập trung, bãi chứa, nơi xử lý, vận chuyển rác và chất gây ô nhiễm môi trường phải tuân theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và chính quyền địa phương.

Đối với nước thải, rác thải có chứa chất độc hại, nguồn gây dịch bệnh, chất dễ cháy, dễ nổ, các chất thải không phân hủy được phải có biện pháp xử lý trước khi thải. Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường quy định danh mục các loại nước thải, rác thải nói ở khoản này và giám sát quá trình xử lý trước khi thải.

Điều 27. - Việc an táng, quàn, ướp, chôn, hỏa táng, di chuyển thi hài, hài cốt cần áp dụng những biện pháp tiến bộ và tuân theo các quy định của Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân để bảo đảm vệ sinh môi trường.

Chính quyền các cấp phải quy hoạch nơi chôn cất, hỏa táng và hướng dẫn nhân dân bỏ dân các tập tục lạc hậu.

Nghĩa địa, nơi hỏa táng phải xa khu dân cư và các nguồn nước.

Điều 28.- Tổ chức, cá nhân trong các hoạt động của mình không được gây tiếng ồn, độ rung động vượt quá giới hạn cho phép làm tổn hại sức khỏe và ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt của nhân dân xung quanh.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp làm giảm tiếng ồn tại khu vực bệnh viện, trường học, công sở, khu dân cư.

Chính phủ quy định việc hạn chế, tiến tới nghiêm cấm sản xuất pháo, đốt pháo.

Điều 29.- Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Đốt phá rừng, khai thác khoáng sản một cách bừa bãi gây hủy hoại môi trường, làm mất cân bằng sinh thái;
2. Thải khói, bụi, khí độc, mùi hôi thối gây hại vào không khí; phát bức xạ, phóng xạ quá giới hạn cho phép vào môi trường xung quanh;
3. Thải dầu mỡ, hóa chất độc hại, chất phóng xạ quá giới hạn cho phép, các chất thải, xác động vật, thực vật, vi khuẩn, siêu vi khuẩn độc hại và gây dịch bệnh vào nguồn nước;
4. Chôn vùi, thải vào đất các chất độc hại quá giới hạn cho phép;
5. Khai thác, kinh doanh các loại thực vật, động vật quý, hiếm trong danh mục quy định của Chính phủ;
6. Nhập khẩu công nghệ, thiết bị không đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; nhập khẩu, xuất khẩu chất thải;
7. Sử dụng các phương pháp, phương tiện, công cụ hủy diệt hàng loạt trong khai thác, đánh bắt các nguồn động vật, thực vật.

Chương III

KHẮC PHỤC SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Điều 30.- Tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác mà làm suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của Ủy ban nhân

dân địa phương và cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 31.- Tổ chức, cá nhân để phóng xạ, bức xạ điện từ, bức xạ ion hóa quá giới hạn cho phép phải tiến hành ngay các biện pháp xử lý và khắc phục hậu quả, báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý ngành và cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân địa phương để giải quyết.

Điều 32.- Việc khắc phục sự cố môi trường bao gồm: loại trừ nguyên nhân gây sự cố; cứu người, cứu tài sản; giúp đỡ, ổn định đời sống nhân dân; sửa chữa các công trình; phục hồi sản xuất; vệ sinh môi trường, chống dịch bệnh; điều tra, thống kê thiệt hại, theo dõi biến động của môi trường; phục hồi môi trường vùng bị tác hại.

Điều 33.- Người phát hiện dấu hiệu xảy ra sự cố môi trường phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân địa phương, cơ quan hoặc tổ chức gần nhất để xử lý kịp thời.

Tổ chức, cá nhân nơi có sự cố môi trường phải thực hiện những biện pháp để kịp thời khắc phục sự cố môi trường và báo cáo ngay với cơ quan quản lý cấp trên, Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất và cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 34.- Sự cố môi trường xảy ra ở địa phương nào thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương đó có quyền huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện để khắc phục.

Sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi nhiều địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương nơi xảy ra sự cố cùng phối hợp để khắc phục.

Trường hợp vượt quá khả năng khắc phục của địa phương thì Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan liên quan quyết định áp dụng biện pháp khắc phục và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 35.- Trường hợp sự cố môi trường đặc biệt nghiêm trọng, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định về việc áp dụng các biện pháp xử lý khẩn cấp.

Khi sự cố môi trường đặc biệt nghiêm trọng đã được khắc phục, Thủ tướng Chính phủ quyết định bãi bỏ việc áp dụng biện pháp xử lý khẩn cấp.

Điều 36. - Cơ quan có thẩm quyền huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để khắc phục sự cố môi trường phải thanh toán chi phí cho tổ chức, cá nhân được huy động theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 37. - Nội dung quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường bao gồm:

1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường;
2. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường, kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường;
3. Xây dựng, quản lý các công trình bảo vệ môi trường, công trình có liên quan đến bảo vệ môi trường;
4. Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường;
5. Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án và các cơ sở sản xuất, kinh doanh;
6. Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường;
7. Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
8. Đào tạo cán bộ về khoa học và quản lý môi trường; giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường;
9. Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
10. Quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Điều 38. - Theo nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong cả nước.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện việc bảo vệ môi trường trong ngành và các cơ sở thuộc quyền quản lý trực tiếp.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương.

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc bảo vệ môi trường ở địa phương.

Điều 39. - Hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường do Chính phủ quy định.

Điều 40. - Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm phối hợp với thanh tra chuyên ngành của các Bộ, ngành hữu quan trong việc bảo vệ môi trường.

Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động và sự phối hợp của thanh tra chuyên ngành trong việc bảo vệ môi trường do Chính phủ quy định.

Điều 41. - Trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên có quyền:

1. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết cho việc thanh tra;
2. Tiến hành các biện pháp kiểm tra kỹ thuật tại hiện trường;
3. Quyết định tạm đình chỉ trong trường hợp khẩn cấp các hoạt động có nguy cơ gây sự cố nghiêm trọng về môi trường và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đình chỉ các hoạt động có thể gây sự cố môi trường.

4. xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm.

Điều 42. - Tổ chức, cá nhân phải tạo điều kiện cho Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên thi hành nhiệm vụ và chấp hành quyết định của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên.

Điều 43. - Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại với Thủ trưởng cơ quan ra quyết định thanh tra về kết luận và biện pháp xử lý của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên tại cơ sở mình.

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường hoặc cơ quan khác của Nhà nước những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Cơ quan nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 44. - Khi có nhiều tổ chức, cá nhân hoạt động trong một vùng mà có gây sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường thì thẩm quyền xác định trách nhiệm phải xử lý về môi trường đối với tổ chức, cá nhân được quy định như sau:

1. Sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường hoặc suy thoái môi trường xảy ra trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định hoặc báo cáo, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định. Nếu một hoặc các bên không đồng ý với quyết định trên thì có quyền khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có hiệu lực thi hành.

2. Sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường hoặc suy thoái môi trường xảy ra trong phạm vi hai hoặc nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do thanh tra chuyên ngành của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xác định hoặc báo cáo, đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xem xét quyết định. Nếu một hoặc các bên không đồng ý với quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thì có quyền khiếu nại lên Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương V

QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 45. - Nhà nước Việt Nam thực hiện các điều ước quốc tế đã ký kết hoặc tham gia có liên quan đến môi trường, tôn trọng các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích của nhau.

Điều 46. - Nhà nước Việt Nam có chính sách ưu tiên đối với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học về môi trường, áp dụng công nghệ sạch, xây dựng và thực hiện các dự án cải thiện môi trường, khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, các dự án xử lý chất thải ở Việt Nam.

Điều 47. - Tổ chức, cá nhân và chủ phương tiện khi quá cảnh lãnh thổ Việt Nam có mang theo các nguồn có khả năng gây sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường phải xin phép, khai báo và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường của Việt Nam. Trường hợp vi phạm pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường thì tùy theo mức độ mà bị xử lý theo pháp luật Việt Nam.

Điều 48. - Tranh chấp mà một bên hoặc các bên là người nước ngoài về bảo vệ môi trường trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết theo pháp luật Việt Nam, đồng thời có xem xét đến pháp luật và thông lệ quốc tế.

Tranh chấp giữa Việt Nam với nước khác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được giải quyết trên cơ sở thương lượng, có xem xét đến pháp luật và thông lệ quốc tế.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 49. - Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động bảo vệ môi trường, phát hiện sớm và báo cáo kịp thời các dấu hiệu sự cố môi trường, khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, ngăn chặn các

hành vi phá hoại môi trường thì được khen thưởng.

Những người tham gia bảo vệ môi trường, khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường mà bị thiệt hại tài sản, sức khỏe hoặc tính mạng thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 50. - Người nào có hành vi phá hoại, gây tổn hại đến môi trường, không tuân theo sự huy động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi có sự cố môi trường, không thực hiện quy định đánh giá tác động môi trường, vi phạm các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 51. - Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 52. - Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 của Luật này, còn phải bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. - Tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đã gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho môi trường trước khi ban hành Luật này, còn làm ảnh hưởng xấu lâu dài tới môi trường và sức khỏe của nhân dân thì tùy theo mức độ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phục hồi môi trường theo quy định của Chính phủ.

Điều 54. - Luật này có hiệu lực kể từ ngày công bố.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 55. - Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ tư, thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993.

Chủ tịch Quốc hội
NÔNG ĐỨC MẠNH

LUẬT Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

Căn cứ vào Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 6 tháng 10 năm 1992.

Điều 1. - Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân như sau:

1. Điều 1 được bổ sung:

"Điều 1.-

Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự và các Tòa án khác do luật định là các cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tòa án xét xử những vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh tế và giải quyết những việc khác theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi chức năng của mình, Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng những